

PHỤ LỤC
DANH MỤC MÃ ĐỊNH DANH ĐỐI VỚI TỪNG
LOẠI CÂY TRỒNG

STT	CÂY TRỒNG	MÃ ĐỊNH DANH CÂY TRỒNG
NHÓM CÂY ẮN QUẢ		
1.	Bí đao	BIDAO1
2.	Bơ	BO0001
3.	Bòn bon	BONBON
4.	Bưởi	BUOI01
5.	Bưởi Thanh trà	BTT001
6.	Bưởi da xanh	BDX001
7.	Cam	CAM001
8.	Chanh	CHANH1
9.	Chanh leo	CL0001
10.	Chôm Chôm	CC0001
11.	Chuối	CHUOI1
12.	Đào	DAO001
13.	Dâu da	DAUDA1
14.	Dâu tây	DAUTAY
15.	Đu đủ	DUDU01
16.	Đu đủ xanh	DDX001
17.	Dừa	DUA001
18.	Dừa hấu	DUAHAU
19.	Dừa lê	DUALE1
20.	Dừa lưới	DL0001
21.	Dứa/Thơm	DUA002
22.	Hồng	HONG01
23.	Hồng xiêm	HX0001
24.	Lê	LE0001
25.	Mận	MAN001
26.	Roi	ROI001
27.	Mãng cầu/Na	MC0001
28.	Mãng cụt	MC0002
29.	Mít	MIT001
30.	Mơ	MO0001
31.	Nhãn	NHAN01
32.	Nho	NHO001

33.	Ồi	OI0001
34.	Quất/Tắc	QUAT01
35.	Quýt	QUYT01
36.	Sầu riêng	SR0001
37.	Táo	TAO001
38.	Thanh Long	TL0001
39.	Thanh Long ruột đỏ	TLRĐ01
40.	Thanh Long ruột trắng	TLRT01
41.	Thanh Long ruột tím hồng	TLRTH1
42.	Thanh Long vỏ vàng, ruột trắng	TLVVRT
43.	Vải	VAI001
44.	Vú sữa	VUSUA1
45.	Xoài	XOAI01
46.	Dưa bở	DUABO1
47.	Nai dai	NADAI1
48.	Na bở	NABO01
49.	Dưa gang	DG0001
50.	Dưa vàng	DV0001
51.	Cây Chúc	CC0003
52.	Cây Trám đen	CTD001
53.	Cây Trám trắng	CTT001
54.	Phật thủ	PT0001
55.	Na Thái	NATHAI
NHÓM CÂY LƯƠNG THỰC		
56.	Đậu xanh	DX0001
57.	Khoai lang	KL0001
58.	Khoai môn	KM0001
59.	Khoai tây	KT0001
60.	Lúa	LUA001
61.	Lúa nếp	LUANEP
62.	Ngô/Bắp	NGO001
63.	Sắn/Khoai mỳ	SAN001
64.	Đậu đỏ	DAUDO1
65.	Đậu đen	DAUDEN
66.	Khoai sọ	KS0001
67.	Củ ấu	CUAU01
68.	Bắp non	BAPNON

NHÓM CÂY CÔNG NGHIỆP		
69.	Bạch đàn	BD0001
70.	Bông	BONG01
71.	Ca cao	CACAO1
72.	Cà phê	CAPHE1
73.	Cao su	CAOSU1
74.	Chè/Trà	CHE001
75.	Dâu tằm	DAUTAM
76.	Đậu tương	DT0001
77.	Điều	DIEU01
78.	Đinh hương	DH0001
79.	Hồ tiêu	HOTIEU
80.	Lạc	LAC001
81.	Mac ca	MACCA1
82.	Mía	MIA001
83.	Sacha Inchi	SI0001
84.	Thuốc lá	TL0002
85.	Tung dầu	TD0001
86.	Vùng	VUNG01
87.	Dong riềng	DR0001
88.	Đàn hương	DH0002
89.	Quế	QUE001
90.	Hồi	HOI001
91.	Cây cỏ bàng	CCB001
92.	Thuốc Lào	TL0003
93.	Cây Sim	CAYSIM
94.	Trâm năm gân (Trâm lá rộng)	TNG001
95.	Gai xanh	GX0001
96.	Cây dầu sớ	CDS001
NHÓM CÂY RAU VÀ GIA VỊ		
97.	Bầu	BAU001
98.	Bí Ngô/Bí đỏ	BINGO1
99.	Cà chua	CACHUA
100.	Cà rốt	CAROT1
101.	Cà tím	CATIM1
102.	Cải bắp	CAIBAP
103.	Cải củ	CAICU1

104.	Cải thảo	CT0001
105.	Cải xanh	CX0001
106.	Cần tây	CANTAY
107.	Chi diếp/Lưỡi mác	CD0001
108.	Chùm ngây	CN0001
109.	Đậu Bắp	DAUBAP
110.	Đậu các loại	DCL001
111.	Đậu đũa	DAUDUA
112.	Đậu Hà Lan	DHL001
113.	Dưa chuột/Dưa leo	DC0001
114.	Gừng	GUNG01
115.	Hành tây	HT0001
116.	Hành	HANH01
117.	Hẹ	HE0001
118.	Hoa hời	HOAHOI
119.	Húng	HUNG01
120.	Măng tây	MT0001
121.	Măng tre	MT0002
122.	Mướp đắng	MD0001
123.	Nghệ	NGHE01
124.	Ớt	OT0001
125.	Ớt hiểm	OTHIEM
126.	Ớt xiêm	OTXIEM
127.	Rau Dền	RAUDEN
128.	Rau muống	RM0001
129.	Su hào	SUHAO1
130.	Súp lơ trắng	SLT001
131.	Súp lơ xanh	SLX001
132.	Tỏi	TOI001
133.	Xà lách	XL0001
134.	Bí ngòi	BINGOI
135.	Củ nén/hành tằm	HT0002
136.	Cà pháo	CAPHAO
137.	Cà pháo chùm	CPC001
138.	Củ dền	CUDEN1
139.	Su su	SUSU01
140.	Đậu ngự	DAUNGU
141.	Cải ngọt	CN0002
142.	Cải thìa	CT0002

143.	Sả/Sả chanh	SA0001
144.	Kiệu	KIEU01
145.	Tía tô	TIATO1
146.	Kinh giới	KG0001
147.	Húng quế	HQ0001
148.	Diếp cá/Giấp cá	DIEPCA
149.	Mồng tơi	MT0003
150.	Cải chân vịt/ Tần ô	CCV001
151.	Riềng	RIENG1
152.	Rau mùi/ Ngò rí	RAUMUI
153.	Rau răm	RAURAM
154.	Rau ngổ	RAUNGO
155.	Thìa là/ Thì là	THIALA
156.	Nấm sò	NAMSO1
157.	Nấm rơm	NAMROM
158.	Nấm kim châm	NKC001
159.	Nấm mỡ	NAMMO1
160.	Nấm đùi gà	NDG001
161.	Nấm hương/ Nấm Đông cô	NH0001
162.	Mộc nhĩ/ Nấm mèo	MOCNHI
163.	Mướp hương	MH0001
164.	Cải bẹ/ Cải Đông dư	CAIBE1
165.	Cải ngồng	CN0004
166.	Cải cúc	CAICUC
167.	Cải mөр	CAIMO1
168.	Đậu Cove/ Đậu trạch	DCV001
169.	Bí xanh	BIXANH
170.	Củ cải trắng	CCT001
171.	Củ cải đỏ	CCD001
172.	Mùi tàu (Ngò gai)	MUITAU
173.	Hương nhu	HN0001
174.	Rau	RAU001
175.	Rau má	RM0002
176.	Rau thập tự	RTT001
177.	Rau gia vị	RGV001
178.	Rau họ Bầu bí	RHBB01
179.	Cải xoong	CX0002
180.	Súp lơ	SUPLO1
181.	Rau nhút	RN0001

182.	Cà ghém	CG0001
183.	Cần nước	CN0005
184.	Bồn bồn	BB0001
NHÓM CÂY DƯỢC LIỆU		
185.	Sâm nữ hoàng/ Dương đề nhân	SNH001
186.	Cây Atiso	ATISO1
187.	Cây Địa liên	CDL001
188.	Ngải cứu	NC0001
189.	Củ mài/ Hoài sơn	CUMAI1
190.	Dừa cạn	DC0002
191.	Bạc hà	BH0001
192.	Dây thìa canh	DTC001
193.	Cỏ ngọt	CN0003
194.	Cà gai leo	CGL001
195.	Sen	SEN001
196.	Kim ngân hoa	KNH001
197.	Sâm Nam núi Dành	SNND01
198.	Cây Hương thảo	HT0003
199.	Trà Hoa vàng	THV001
200.	Ba Kích	BAKICH
201.	Thạch đen	TD0002
202.	Nha đam	NHADAM
203.	Tang ký sinh	TKS001
204.	Chè dây	CHEDAY
205.	An xoa	ANXOA1
206.	Đinh lăng	DL0002
207.	Chè vằng	CV0001
208.	Sắn dây	SANDAY
209.	Sâm bố chính	SBC001
210.	Hà thủ ô	HTO001
211.	Cây Xạ đen	CXD001
212.	Kim tiền thảo	KTT001
213.	Tầm gửi	TAMGUI
214.	Máu chó	MAUCHO
215.	Nấm mối	NAMMOI
216.	Nấm khiêu vũ	NKV001
217.	Nấm linh chi	NLC001
218.	Nấm Đông trùng hạ thảo	NDTHT1

219.	Nhàu	NHAU01
220.	Trạch tả	TT0001
221.	Bạch chỉ	BC0001
222.	Ngưu tất	NT0001
223.	Cây dược liệu các loại	CDLCL1
224.	Nhân trần	NT0002
NHÓM HẠT GIỐNG		
225.	Hạt giống Ổt ngọt	ON001G
226.	Hạt giống Ổt cay	OC001G
227.	Hạt giống Cà chua	CC001G
NHÓM NGỌN GIỐNG, CÂY GIỐNG HOA		
228.	Ngọn giống, cây giống hoa Thu Hải Đường	THD01G
229.	Ngọn giống, cây giống hoa Càng cua	HCC01G
230.	Ngọn giống, cây giống hoa Cúc cánh môi	CCC01G
231.	Ngọn giống, cây giống hoa xương rồng bát tiên	XRBT1G
232.	Ngọn giống, cây giống hoa chuông	HC001G
233.	Ngọn giống, cây giống hoa dâm bụt	DB001G
234.	Ngọn giống, cây giống hoa mã đề	MD001G
235.	Ngọn giống, cây giống hoa cẩm chướng	CC002G
236.	Ngọn giống, cây giống hoa oải hương	OH001G
237.	Ngọn giống, cây giống hoa Cúc Nam Phi	CNP01G
238.	Ngọn giống, cây giống hoa Hạnh tiên thảo	HTT01G
239.	Ngọn giống, cây giống hoa hồng trai	HHT01G
NHÓM HOA CÂY CẢNH		
240.	Hoa Nhài	NHAI01
241.	Hoa Lay ơn	LAYON1
242.	Hoa Lily	LILY01
243.	Hoa Đồng tiền	DT0002
244.	Hoa Cúc	CUC001
245.	Hoa Cẩm chướng	CC0002
246.	Hoa Lan Hồ điệp	LHD001
247.	Hoa Địa lan	DIALAN

248.	Hoa Tulip	TULIP1
249.	Cây trầu bà	TRAUBA
250.	Cây trầu bà lá xẻ	TBLX01
251.	Ráy	RAY001
252.	Môn	MON001
253.	Thiên niên kiện	TNK001
254.	Trúc bạc	TB0001
255.	Hồng môn	HM0001
256.	Cây trầu bà rừng	TBR001
257.	Cây trầu bà cánh én	TBCE01
258.	Hoa lan	HOALAN
259.	Mẫu đơn	MAUDON
260.	Hoa hồng	HH0001
261.	Hoa huệ	HOAHUE
262.	Cây Đào cảnh	DC0003
NHÓM CÂY TRỒNG KHÁC		
263.	Cọ	CO0001
264.	Cây lác	CAYLAC
265.	Lá dong	LADONG